| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PL**<br>**TỈNH BL** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
(V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Văn An

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Võ Tuyết Kha

2/. Ông Trần Văn Phước

***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1/.Đồng nguyên đơn:

1.1/.Anh LTN, sinh ngày 15/9/1987.

1.2/.Chị TTL, sinh ngày 01/01/1987.

Cùng địa chỉ: Ấp T1, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh N: Chị TTL, sinh ngày 01/01/1987.

Cùng địa chỉ: Ấp T1, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL.

2/.Đồng bị đơn:

2.1/.Bà CTT, sinh năm 1976.

2.2/.Chị HTN, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Ấp VT, xã HP, huyện PL, tỉnh BL.

(ChịL có mặt; Bà T và chịN vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2022, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đồng nguyên đơn chị TTL trình bày: Trước đây, vợ chồng chị có cho bà T và chịN vay tiền rất nhiều lần trong khoảng thời gian dài với nhau nhưng đến ngày 24/01/2021 (Al) thì giữa vợ chồng chị với bà T và chịN có chốt nợ lại với nhau thì bà T và chịN thừa nhận còn thiếu vợ chồng chị tổng số tiền là 119.000.000 đồng và hứa đến tháng 12/2021 (Al) sẽ trả lại đủ số tiền trên lại cho chị nhưng đến nay bà T và chịN không có thiện chí trả số tiền trên lại cho chị nên nay vợ chồng chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và chịN cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị tổng số tiền 119.000.000 đồng trên. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

Theo đồng nguyên đơn anh LTN trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh là chị TTL. Khi giao dịch vay tài sản trên thì chỉ có bà T và chịN vay tiền của vợ chồng anh nên nay anh yêu bà T và chịN cùng có nghĩa vụ trả số tiền 119.000.000 đồng trên lại cho vợ chồng anh.

Đối với đồng bị đơn bà CTT và chị HTN: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà T và chịN nhưng bà T và chịN không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh N và chịL đối với bà và chị.

Theo chị TTL xác định: Từ khi vay tiền của chị thì hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời gian đầu bà T và chịN có đóng tiền lãi cho chị nhưng chị cũng không nhớ chính xác số tiền là bao nhiêu tiền. Nhưng từ khi chốt nợ lại với nhau cho đến nay thì bà T và chịN không trả số tiền gốc cũng như không có đóng cho chị khoản tiền lãi nào nữa cả. Nay chị yêu cầu bà T và chịN cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị tổng số tiền 119.000.000 đồng trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đồng bị đơn bà CTT và chị HTN chưa chấp hành đúng quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh LTN và chị TTL. Buộc bà CTT và chị HTN cùng có nghĩa vụ trả cho anh N và chịL tổng số tiền 119.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Đồng bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh LTN và chị TTL có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà CTT và chị HTN. Bà CTT và chị HTN có cùng địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đối với sự vắng mặt của bà CTT và chị HTN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà T và chịN vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà CTT và chị HTN.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh LTN và chị TTL, yêu cầu bà CTT và chị HTN cùng có nghĩa vụ trả cho anh chị số tiền vay còn thiếu là 119.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, anh N và chịL cung cấp cho Tòa án giấy cam kết trả nợ của bà T và chịN đề ngày 24/01/2021 có nội dung: "*Hôm nay ngày 24/1/2021. 2 Bên thỏa thuận tới tháng 12 năm 2021 út vớiN sẽ hoàn trả cho N tất cả số tiền 119.000.000 tiền tháng*". Tại tờ giấy cam kết được lập ngày 24/01/2021, người cam kết ký tên và ghi họ tên CTT và HTN.

[3] Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà CTT và chị HTN. Nhưng bà T và chịN không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của anh N và chịL. Từ đó, cho thấy bà T và chịN đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với anh N và chịL nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật. Do đó, việc anh N và chịL yêu cầu bà CTT và chị HTN thực hiện nghĩa vụ trả  nợ cho ông số tiền 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh N và chịL đối với bà T và chịN. Buộc bà CTT và chị HTN cùng có nghĩa vụ trả cho anh LTN và chị TTL tổng số tiền là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh LTN và chị TTL không phải chịu, anh N và chịL đã nộp số tiền tạm ứng án phí 2.975.000 đồng ngày 29 tháng 6 năm 2023 theo biên lai thu số 0012789 được hoàn lại cho anh LTN và chị TTL tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc bà CTT và chị HTN cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.950.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 143, 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh LTN và chị TTL đối với bà CTT và chị HTN về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc bà CTT và chị HTN cùng có nghĩa vụ trả cho anh LTN và chị TTL tổng số tiền là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh LTN và chị TTL không phải chịu, anh N và chịL đã nộp số tiền tạm ứng án phí 2.975.000 đồng ngày 29 tháng 6 năm 2023 theo biên lai thu số 0012789 được hoàn lại cho anh LTN và chị TTL tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc bà CTT và chị HTN cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.950.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Văn An**

**Nơi nhận*:***
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.